

I. Chọn từ khác loại.

1. A. chips B. chicken C. rain
2. A. mother B. dress C. father
3. A. ball B. bread C. chocolate
4. A. grapes B. read C. sing

II. Sắp xếp những từ dưới đây thành câu hoàn chỉnh.

1. this/ What/ is/?

2. is/ that/ What/?

3. is/ that/ a/ ruler/.

4. it/ Is/ pencil case/ a/ ?

5. Yes,/ is/ it/ ./

6. this/ Is/ an/ umbrella/ ?

7. / book/ Is/ it/ a?

8. Is/ this/ rubber/ a?

9. isn't/ No,/ it/ ./

III. Nói

1.



2.



3.



4.



5.



6.



chocolate

park

car park

chips

ball

book

read

clean

brother

train

II. Viết

sofa

shoes

kitchen

seesaw

fish

TV

.....TV.....



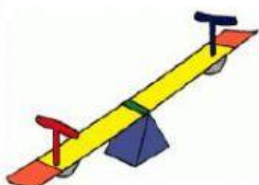
.....



.....



.....



.....



.....